

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 17-9-2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Mai A, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; Tạm trú: Khu phố T, phường X, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 02, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị Mai A và ông Bùi Văn T tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó ông bà chung sống như vợ chồng từ năm 2012. Đến ngày 02/12/2014, bà A và ông T đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ, Bình Phước.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên từ tháng 12 năm 2017 bà A và ông T ly thân. Nay, bà A xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T mặc dù còn thương yêu vợ, mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng do bà A quyết định ly hôn nên ông T thuận tình ly hôn với bà A.

Về con chung: Bà A và ông T có 01 con chung tên Bùi Gia P, sinh ngày 31/5/2015. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Bà Phạm Thị Mai A được ly hôn với ông Bùi Văn T (Bà A và ông T kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2014 theo Giấy đăng ký kết hôn số 160/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước).

Giao con chung là cháu Bùi Gia P, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2015 cho bà Phạm Thị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mai A về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2018, bị đơn ông Bùi Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung là cháu Bùi Gia P, sinh ngày 31/5/2015 cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông T đề nghị xem xét lại phần nhận định của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông T và bà A thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung Bùi Gia P, sinh ngày 31/5/2015 cho bà A chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Các đương sự tự nguyện chịu theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

+ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung Bùi Gia P, sinh ngày 31/5/2015 cho bà A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Phạm Thị Mai A và bị đơn ông Bùi Văn T.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Về con chung: Giao con chung Bùi Gia P, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2015 cho bà Phạm Thị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000019 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, bà A đã nộp đủ án phí.

+ Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Bùi Văn T không phải chịu số tiền 300.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông Bùi Văn T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Bùi Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000433 ngày 06 tháng 7 năm 2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu (TNV, TDS, HSVA).

Vũ Hoàng Linh